

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 15 -8 -2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Thanh Hồng và bà Bạc Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị T; Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Đội 4A, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân V; Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Đội 4A, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2019 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Xuân V kết hôn ngày 09/01/2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thì thường xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh V không dành thời gian quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh V không thường xuyên ở nhà. Từ đó cuộc sống gia đình ngày càng sút mẻ và không hạnh phúc. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T thấy không thể còn chung sống với anh V, vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện tình cảm giữa anh chị cũng không còn, chị T xin được ly hôn với anh V.

Về con: Chị T và anh V có một con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21/08/2007, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Hiện chị T có thu nhập ổn định từ việc đi làm thuê là 6 đến 7 triệu một tháng, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2019 cháu Nguyễn Xuân T trình bày khi bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ vì bố thường đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc cháu.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh V qua đường bưu điện, qua người thân thích và niêm yết tại nơi cư trú, đã triệu tập hợp lệ anh V đến tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do, không đến tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định. Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh V được biết: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh V và chị T do hai anh chị bất đồng quan điểm, thường hay cãi mắng chửi nhau, anh V thường không ở nhà, lúc đi lúc ở, vợ chồng không quan tâm đến nhau, hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không có mặt theo sự triệu tập của Tòa án là vi phạm qui định tại điều 70, 72 BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh V; áp dụng các điều 58, 69, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 25/4/2019 chị Dương Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Nguyễn Xuân V, nơi đăng ký thường trú: Đội 4A, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 25/4/2019 chị Thảo đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Thảo theo khoản 1 điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Xuân V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị T, anh V theo quy định của BLTTDS. Anh V đã vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 đây là căn cứ xác định vụ án không tiến hành hòa giải được theo qui định tại các khoản 1 điều 207 BLTTDS và căn cứ xét xử vắng mặt anh V theo qui định tại điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS, khoản 3 điều 228 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Xuân V kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 09/01/2006, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh V không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh V và chị T do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh V thường không ở nhà, vợ chồng không quan tâm đến nhau, hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Nội dung này đã được ủy ban nhân dân xã Th Yên, huyện Đ xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị T cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, không quan tâm nhau là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình của vợ và chồng. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho chị T ly hôn với anh V.

Về con chung: Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị T là chính đáng, phù hợp với qui định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Hiện chị T đang đi làm thuê, đảm bảo thu nhập đủ để chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các qui định tại điều 58, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu T cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi không có đương sự nào yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T, cho ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Xuân V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21/08/2007 cho chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0002950 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/8/2019), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã Th;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Ngọc